

TÊN RIÊNG TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TRONG TIẾNG PHÁP, MỘT YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Văn Dung¹⁾

Tên riêng được coi là một thành tố trong hệ thống từ xưng hô; nó được sử dụng để gọi và chỉ ra những người tham gia hội thoại (Kerbrat-Orecchioni: 1992). Theo Braun (dẫn theo Kerbrat-Orecchioni: 1994), tên riêng nằm trong nhóm các từ hô gọi (phân biệt với các đại từ hô gọi có cùng chức năng như từ chỉ gia tộc (VD: bố mẹ), chỉ nghề nghiệp (VD: bác sĩ, thầy, cô, v.v...)).

Tên riêng bao gồm hai yếu tố: **họ** (nom), **tên** (prénom); yếu tố thứ ba, **tên đệm** (nom intercalaire), là yếu tố không bắt buộc.

Tên riêng mang đặc thù của mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa. Để dạy và học tốt ngoại ngữ phải nắm vững hệ thống tên riêng của nước mà mình học tiếng nếu không nhiều khi sẽ dẫn đến hiểu lầm hoặc nghiêm trọng hơn nữa là đối tượng giao tiếp sẽ không biết là mình nói đến ai và chỉ ra ai trong giao tiếp.

Thuật ngữ tên riêng mà chúng tôi dùng trong nghiên cứu này là các tên riêng dùng chỉ người một cách chính thức, là tên được khai trong giấy khai sinh: bí danh, bút danh, biệt danh, không nằm trong nghiên cứu của chúng tôi.

Chức năng của tên riêng

Theo Siblot (1987), tên riêng là yếu tố dùng để nhận dạng (identificateur) và để chỉ ra các đối tượng giao tiếp (designateur). Tên riêng có nhiều chức năng tuy nhiên các nhà ngôn ngữ học Pháp thống nhất đưa ra hai chức năng điển hình nhất của tên riêng là chức năng nhận dạng và chức năng xã hội nhằm phân biệt các cá thể trong cộng đồng (xem Langages số 66).

Chức năng nhận dạng nhằm biệt lập các cá thể. Tuy nhiên vì số lượng họ và tên trong một xã hội còn hạn chế nên số trường hợp các cá thể trùng tên hoặc trùng họ còn nhiều. Như vậy thì chức năng này cũng chưa đủ để biệt lập các cá thể mà còn phải sử dụng các yếu tố khác nữa ví dụ như sự cụ thể hóa trong diễn ngôn năng các cá thể này.

Chức năng thứ hai của tên riêng là chức năng xã hội nhằm phân biệt cá thể trong cộng đồng. Bằng họ tên của mình, cá thể được phân loại theo gia tộc, theo vị trí xã hội. Theo Zonabend (dẫn theo Bromberger 1982), các phương thức sắp xếp của chức năng này khác nhau trong các xã hội khác nhau vì mỗi xã hội sắp xếp các cá thể theo một trật tự của riêng mình.

¹⁾ TS., Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

Trong xã hội Pháp, tên riêng đảm nhận cả hai chức năng kể trên. Tên người Pháp gồm: họ và tên. Người Pháp không dùng tên đệm để chỉ giới tính. Phương thức để phân biệt cá thể là phân loại theo gia tộc. Tất cả các cá nhân trong cùng một họ thì mang họ đó, đây là một phương thức mang tính phổ cập. Cá nhân được xem xét dưới khía cạnh gia tộc, của những người cùng tổ tiên, mang cùng một dòng máu. Do số họ của Pháp ít bị trùng lặp nên đảm nhận được chức năng phân biệt cá thể¹. Tên của người Pháp cũng không cần có tên đệm chỉ giới tính vì tên của người Pháp được lựa chọn chủ yếu trong các tên Thánh: tên nữ như *Anne, Charlotte, Brigitte, Juliette*, tên nam như *Thierry, Jean, Xavier, ...* hãn hữu cũng có hiện tượng trùng âm như: *Michel* và *Michèle; Daniel, Danielle, ...*

Trong xã hội Việt Nam, có khá nhiều các phương thức để phân biệt cá thể trong cộng đồng ví dụ như dựa theo gia tộc, theo giới tính, theo thứ tự sinh ra trong gia đình cụ thể là các tên chính bằng số thứ tự, họ và các tên đệm theo đẳng cấp xã hội. Tuy nhiên một số phương thức ít hoặc không còn được sử dụng trong xã hội hiện đại nữa như cách đặt tên cho con theo số thứ tự, hay tên họ theo dòng dõi vua chúa.

Hiện nay, hai phương thức chính để phân biệt cá thể là phân loại theo gia tộc và theo giới tính. Cũng như trong xã hội Pháp, tất cả các cá nhân trong cùng một họ thì mang họ đó. Theo Lê Trung Hoa (1992), số lượng họ của người Việt rất khó xác định, vì nước ta có rất nhiều dân tộc. Theo điều tra của Pierre Gourou (Nguyễn

Vân Huyền 1944 in lại năm 1994), trước năm 1945 thì đồng bằng Bắc bộ có 200 họ. Chỉ trong tỉnh Bắc Ninh với 76.700 hộ gia đình thì số gia đình họ Nguyễn chiếm tới 54%. 65.200 gia đình mang họ Nguyễn, Trần, Lê, Phạm, Vũ, Ngô, Đỗ, Hoàng, Đào, Đặng, Dương, Đinh chiếm 85% tổng số các gia đình sống tại tỉnh này. Trong một số làng, họ Nguyễn là họ duy nhất.

Các kết quả này cũng trùng lặp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tài Căn (1975). Theo kết quả nghiên cứu này thì họ Nguyễn cũng là họ chiếm tỉ lệ cao nhất tại Việt Nam, sau đó khá xa là các họ Trần, Lê, Phan, Phạm.

Để nghiên cứu vấn đề này trong xã hội Việt Nam đương đại, chúng tôi đã khảo sát họ của 1769 sinh viên sinh vào những năm 1980-1984 của một số trường đại học tại Hà Nội và cũng có những kết quả tương tự. Trên 1769 sinh viên có 85 họ khác nhau, trong đó họ Nguyễn chiếm 35,04% (620 sinh viên), họ Trần 9,38% (166 sv), họ Phạm 7,68% (136 sv), Lê 7,18% (127 sv), sau đó là họ Vũ, họ Đỗ, họ Bùi, họ Đặng, họ Đào, họ Ngô, họ Phạm, họ Dương, họ Trịnh, họ Hà²⁾. Mặc dù số liệu khảo sát chưa được nhiều và chủ yếu ở miền Bắc Việt Nam, nhưng kết quả này cũng cho thấy, họ người Việt không có nhiều biến động. Nhìn chung họ Nguyễn vẫn chiếm đa số và các họ khác cũng theo gần đúng như trật tự mà hơn 50 năm về trước nhà xã hội học Pháp đã khảo sát được.

Tuy nhiên đây cũng là một vấn đề của họ người Việt. Như chúng tôi đã nói ở trên, chức năng nhận dạng là một trong những chức năng chính của tên riêng thì khi mà cả làng họ Nguyễn thì thật khó phân biệt

¹ Tuy nhiên trong tiếng Pháp cũng có một số họ phổ biến như Dupont, tương tần số thấp, không cao như họ Nguyễn, Trần, Phạm, ở Việt Nam.

²⁾ Xem phụ lục bảng 1.

các cá thể với nhau. Điều này lại càng trầm trọng hơn khi trong những xã hội khác nhau, vai trò của tên và họ khác nhau. Trong tiếng Pháp, trong hành chính người ta chủ yếu chỉ cần dùng họ là đủ. Điều này đã làm đau đầu khá nhiều bà thư ký và giao viên các trường hoặc trung tâm có nhiều người Việt học. Và ngay cả học sinh Việt Nam, khi đi xem kết quả học tập được niêm yết tại trường cũng không biết là ai đỗ ai trượt nếu trong lớp có 5 học sinh họ Nguyễn mà 3 đỗ và 2 trượt.

Phương thức thứ hai dùng để sắp xếp các cá thể là dựa theo giới tính.

Giới tính được thể hiện chủ yếu ở tên đệm. Theo truyền thống, có hai hình vị được dùng để thể hiện giới tính trong tên riêng của người Việt, đó là **Văn** và **Thị**. Theo Huard và Durand (1954), để đặt tên cho con trai, người Việt thường dùng **Văn**, từ Hán - Việt biểu hiện mong muốn của cha mẹ có con trai sẽ đỗ các kỳ thi văn chương của Triều đình tổ chức. Để đặt tên cho con gái, người ta thường dùng **Thị**, từ Hán - Việt biểu hiện mong muốn của cha mẹ rằng con gái mình sẽ sinh được nhiều con cháu nối dõi. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Tất Thắng (dẫn theo Lê Trung Hoa) thì trước năm 1945, khảo sát 440 phụ nữ thì 100% có tên đệm là **Thị**.

Tuy nhiên hai tên đệm chỉ giới tính này cũng có lúc trùng lặp vì một vài tên đơn hoặc kép cũng đã mang trong mình yếu tố này. Huard và Durand (1954) đã nêu ra xu hướng dùng các tên mang nữ tính mà các gia đình đặt cho con gái của mình như các loài hoa: Cúc, Hồng, các loài chim quý hiếm như Loan, các vật quý như Trai và tên con trai thì lấy những từ chỉ các phẩm chất mà nam nhi cần có như

Dũng, Khiêm, Đức hoặc các từ chỉ mùa như Thu, Xuân.

Theo nghiên cứu của Lê Trung Hoa thì chiều hướng dùng tên đệm để chỉ giới tính cũng không còn đậm nét trong xã hội Việt Nam hiện đại. Trong thời gian ông nghiên cứu (những năm 90) có xu hướng ít dùng tên đệm ở cả hai giới tính. Có nhiều lý do trong đó thường được nhắc đến là trong tiếng Việt hiện đại, **Thị** thường được dùng để chỉ phụ nữ với nghĩa xấu, ví dụ như ở toà án, **Thị** được dùng để chỉ bị cáo nữ. Theo nghiên cứu của tác giả, **Văn** cũng không còn được dùng nhiều như trước. Trên 351 học sinh trường Lê Hồng Phong năm học 1990-1991 thì chỉ có 9 nam học sinh có tên đệm là **Văn**, chiếm 2,5%.

Hiện nay, nghiên cứu của chúng tôi trên 1769 sinh viên thi cho kết quả như sau: có 924 sinh viên nam, trong số đó 81 em có tên đệm là **Văn**, chiếm 8,76%.

Có 845 sinh viên nữ, số nữ có tên đệm là **Thị** là 570 chiếm 67,45%.

Điều này cho thấy tỉ lệ nữ sinh có tên đệm là **Thị** là rất cao, phản ánh những xu hướng mới trong cách đặt tên của cha mẹ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu cụ thể tên của từng sinh viên, chúng tôi nhận thấy trong số sinh viên nam có tên đệm là **Văn** thì tên của các em này chỉ có ba yếu tố (Họ - **Văn** - Tên đơn) trong khi đó, trong số 570 sinh viên nữ có tên đệm là **Thị** thì chỉ có 148 sinh viên có tên đơn (Họ - **Thị** - Tên đơn) còn lại 422 có tên kép tức là gồm bốn yếu tố (421/422 tên) hoặc năm yếu tố³⁾ (Họ - **Thị** - Tên ghép) gồm hai hoặc nhiều hơn hai yếu tố.

Như vậy việc giữ yếu tố chỉ nữ tính đi cùng với tên kép vì nhu cầu thẩm mỹ (xem

³⁾ Xem phụ lục bảng 2, 3.

Lê Trung Hoa tr.18) có xu hướng tăng trong xã hội Việt Nam hiện đại trong khi đó thì việc sử dụng tên đệm của nam có xu hướng giảm. Ngay cả sự phân biệt giới tính trong tên của nam và nữ cũng không còn đậm nét như nhận xét của hai ông Durand và Huard (sách đã dẫn). Các tên chỉ mùa mà theo các ông là **tên** của nam thì hiện nay có rất nhiều nữ tên là **Xuân** hoặc **Thu**. Số lượng sinh viên nữ tên là **Xuân / Thu** và số nam cũng có tên này trong nghiên cứu của chúng tôi rất hiếm và tuy nhiên có cả trong hai giới: **Xuân** có 2 nam và 3 nữ, **Thu**: 1 nam và 3 nữ. Ngoài ra trong số 81 tên đơn của nam và 148 tên đơn của nữ⁴¹ có một số tên nam và nữ trùng nhau: **Hải, Hà, Hòa, Thanh, Bình, Trang, Hoàng, Xuân, Thu**...

Tuy nhiên việc bỏ tên đệm nhiều khi làm cho chúng ta khó phân biệt nam và nữ, ví dụ như **Trần Khánh Ngọc** (female) hoặc **Ngô Thanh Xuân** (male) và nhất là hiện nay khi sử dụng máy tính nhiều khi tên không có dấu làm cho tỉ lệ nhầm lẫn càng tăng. Lấy ví dụ tên của tác giả bài viết này, nếu không có dấu thì luôn luôn được tưởng là nam giới, Nguyễn Văn Dũng, một tên riêng rất thông dụng ở nước ta.

Có nhiều chuyện vui về sự nhầm lẫn giới tính. Trong một lớp học, cô giáo sau khi kiểm tra miệng hai em học sinh nam quyết định gọi một em nữ lên bảng: Nào bây giờ gọi một cô lên xem có khá hơn hai cậu này không. Cô tìm trong danh sách và gọi: **Nguyễn Thanh Hà**. Lại một cậu học sinh nam nữa.

Để lựa chọn tên cho con em mình, người Việt có thể dùng tất cả vốn từ vựng phong phú của tiếng Việt. Tên chính có thể

rất nôm na, mộc mạc, có thể rất hoa mỹ, dùng từ có gốc Hán - Việt. Có nhiều gia đình lấy ngay năm sinh để đặt tên cho con, ví dụ như **Hợi, Mùi, Thân**. Có gia đình, lấy tên các loài hoa quả để đặt tên cho con gái mình như **Sim, Xoài, Mơ** (mơ cũng có nghĩa là mơ mộng). Có trường hợp đặc biệt như **Đào Thị Lê Na** thì ở đây, ta thấy có bốn loại quả khác nhau. Tuy nhiên yếu tố thứ nhất của tên riêng này là họ (trùng lặp với một loại quả), và yếu tố chỉ giới tính, vào trường hợp này cũng là từ đồng âm khác nghĩa với một loại quả. Hiện tượng lấy các từ xấu xí mộc mạc đặt cho con được lý giải trong dân gian làm để cho ma không để ý và bắt mất đi con của mình. Hiện tượng này chủ yếu thông dụng ở nông thôn.

Nhiều gia đình lấy các từ có gốc Hán - Việt có ý nghĩa hay để đặt tên cho con mình, thí dụ như **Trung Thành, Ánh Dương**.

Theo Lê Trung Hoa, nhiều khi cha mẹ lấy địa danh nơi quen biết nhau để đặt tên cho con mình: có em có tên là **Phan Thiết** vì cha mẹ em đã quen nhau tại đó.

Tóm lại, tên của người Việt Nam có mang ngữ nghĩa hay không? Trên thực tế rất nhiều tên kép có nghĩa, song sự hiểu biết về Hán - Việt còn hạn chế nên nhiều người không hiểu hết ý nghĩa ngay cả của tên mình. Còn tên họ của người Pháp thì không phải ai cũng lý giải được họ của mình. Nhiều người giải thích tên của một số dòng họ theo nghề nghiệp hoặc dựa theo cơ sở địa lý. Ví dụ như họ **Boulangier**, chắc là cụ tổ ngày xưa bán bánh mỳ; họ **Ruisseau** xưa kia chắc ở gần một con suối. Còn tên riêng thì vì người Pháp lấy tên thánh để đặt cho con mình nên bản thân nó đã mang ý nghĩa. Tuy nhiên ngày nay, theo Levi-Strauss (dẫn trong Siblot 1987)

⁴¹ Xem phụ lục bảng 4, 5.

cũng thấy rất ít người biết nghĩa của họ mình hoặc của người khác. Ai trong chúng ta nghĩ đến một con chim Yến hay một bông hoa hồng khi đứng trước một người tên là Yến hay Hồng? Ngay cả thói quen sử dụng tên của người Việt Nam, chủ yếu dùng một yếu tố, yếu tố cuối cùng thì nếu cha mẹ đặt cho ta một tên chính kép thì lúc đó ý nghĩa của nó cũng mất đi, ví dụ như **Bình Minh** trở thành **Minh**. Hoặc có sinh viên tên như nói ở trên là **Phan Thiết**, các bạn anh chỉ gọi anh là **Thiết**, lúc đó nghĩa sẽ khác đi.

Trong thời kỳ mở cửa, một số người từ nông thôn lên thành phố do có tên gọi bằng chữ Nôm muốn đổi sang thành từ Hán - Việt vì sợ bị cười chê. Trong truyện ngắn của Triệu Bôn⁵¹, cô **Kèo** lên thành phố trở thành cô **Kiều Tuyết**, cô **Nộm** thành cô **Mộng Thu**. Trong phim Gái nhảy⁵², các cô **Mít**, **Xoài** cũng không muốn giữ tên gốc của mình nữa. Chắc trong chúng ta nhiều người biết chuyện vui của anh bộ đội đổi tên từ **Ách** sang **Chiến Thắng**. Vợ gửi thư lên đơn vị sợ thất lạc phải ghi kèm cả tên cũ nên trên phong bì có ghi:

Kính gửi anh Nguyễn Chiến Thắng
tức anh Ách.

Cũng là vừa để cười và cũng hơi có chút phê phán anh **Ách** không muốn giữ nguồn gốc của mình.

Hiện tượng này cũng có trong tiếng Pháp được một số sách giáo khoa đề cập. Cũng có những người có tên "xấu" muốn đổi tên song muốn được công nhận phải được phép của pháp luật.

⁵¹ Triệu Bôn, 1999. Lở mỗ chuyên làng

⁵² Phim có số doanh thu lớn nhất của điện ảnh Việt Nam năm 2003

Về vấn đề này, nhà ngôn ngữ Pháp J.Molino (1982) cho rằng:

"Thái độ mang tính khoa học trước vấn đề này chắc chắn sẽ là các tên riêng có vẻ như là một yếu tố vô nghĩa song đồng thời chúng cũng cho ta những suy luận vô hạn về ngữ nghĩa mang nặng tình cảm hơn các danh từ chung."

Để có thể tìm hiểu rõ hơn vấn đề này, tiến hành điều tra xem cha mẹ đã đặt tên cho con họ như thế nào là một việc cần thiết.

Trong một nghiên cứu khác của chúng tôi⁵³ về tên riêng trong một số truyện ngắn Việt Nam đương đại thì nhìn chung các nhà văn hầu như bao giờ cũng cho tên nhân vật chính của mình một ý nghĩa nào đó. Thí dụ như anh **Khổng** trong truyện "Tướng về hưu" của Nguyễn Huy Thiệp, đó chính là **Khổng Tử** ngày nay.

Ngay cả trong sự thay đổi tên nhiều khi cũng khắp khiêng, nếu như cô **Nguyễn Thị Bẩy** lên thành phố thêm vào tên mình một yếu tố Hán - Việt và trở thành cô **Thanh Bẩy** thì sự kết hợp giữa một yếu tố Nôm và một yếu tố Hán - Việt làm cho tên cô chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

Những hình vị tạo thành tên riêng người Pháp và Việt đương đại

Tên riêng của người Pháp bao gồm tối thiểu 2 hình vị (đây là dạng phổ biến) và tối đa là 4 hình vị (hiếm).

1) Họ của người Pháp có thể đơn hoặc kép: **Siblot; Levi - Strauss** ... Số họ kép ngày càng nhiều ở phụ nữ do hai lý do sau: một số phụ nữ khi lấy chồng có quyền hoặc lấy họ của chồng hoặc giữ họ của mình cùng họ nhà chồng, ví dụ cô **Dupont** khi

⁵³ Xem Nguyễn Văn Dung, Hỏi nghi khoa học, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội, 2000

lấy anh **Durant** có thể trở thành bà **Durand** hoặc bà **Durant - Dupont**. Một lý do khác nữa là nhiều người sau khi đã mang họ chồng sau đó li dị (hiện tượng li dị rất phổ biến tại Pháp, tỉ lệ trung bình là 30% còn ở Paris là 50%), lại lấy lại họ mình ví dụ như bà **Moirand** sau khi li dị trở thành bà **Moirand - Dupuis**.

2) Tên người Pháp có thể đơn (một hình vị) hoặc kép (hai hình vị): VD: *Louis, Marie-Claire, Jean-Baptiste* nhưng dạng đơn là phổ biến hơn⁹¹.

Một số nhà ngôn ngữ học Việt Nam như Nguyễn Kim Thân (1963 in lại 1997), Trần Ngọc Thêm (1997), Nguyễn Tài Căn, Lê Trung Hoa đã nghiên cứu vấn đề này. Nhìn chung tên riêng bao gồm ba hình vị: họ, tên đệm và tên trong đó hai hình vị bắt buộc là họ và tên.

1. Họ có thể đơn hoặc kép

Trong đa số các họ thì dạng đơn là phổ biến ví dụ như họ **Nguyễn, Trần, Lê, ...**

Dạng kép bao gồm hai hình vị và đảm nhiệm hai chức năng.

Chức năng phân biệt trong đại gia tộc. Để phân biệt các chi, bên cạnh họ của đại gia tộc, còn có họ của chi ví dụ như chi **Nguyễn Đức** hoặc chi **Vũ Đình** trong đại gia đình họ **Nguyễn** hoặc họ **Vũ** trong làng.

Chức năng thứ hai là vai trò của họ mẹ đối với con cái. Nhiều gia đình, lấy họ của mẹ làm yếu tố thứ hai đặt cho tên riêng của con mình, ví dụ:

3 hình vị: **Trịnh Vũ Nghĩa, Lê Trần Giao, Hoàng Lê Hà, ...**

4 hình vị: **Đỗ Nguyễn Quỳnh Anh, Lê Lương Thu Hương, Thái Vũ Ngọc Anh,**

Nguyễn Lê Thu Hà, Lê Đoàn Thanh Lâm, Khuất Hoàng Bảo Trúc, Phan Hà Hải An, Dương Đặng Kim Phương, Trương Trần Dung Hạnh, Chu Hoàng Hải Quỳnh, ...

5 hình vị: **Đỗ Bá Thị Hương Giang, ...**

2. Tên đệm nhằm phân biệt giới tính, gồm một yếu tố: nam là **Văn**, nữ là **Thị**

3. Tên⁹¹ cũng giống như họ, có thể đơn hoặc kép

Tên đơn bao gồm một yếu tố: **Nghĩa, Cường, ...**

Tên kép bao gồm hai yếu tố trở lên.

Để khái quát hóa cấu tạo của tên riêng trong tiếng Việt đương đại, chúng tôi trình bày theo sơ đồ sau (chúng tôi sử dụng ở đây quy tắc mô tả của ngữ pháp sản sinh -grammaire générative)

1. Tên riêng → Họ + (Tên đệm + Tên)

2. Họ → Họ 1 + (Họ 2)

Họ 1: Họ của người cha hoặc của gia tộc

Họ 2: Họ của gia đình hoặc họ của mẹ

3. Tên đệm → (Văn “ hoặc Thị “)

4. Tên → Tên 1 + (Tên 2)

Sơ đồ này cho phép chúng ta có những khả năng tạo tên như sau (các ví dụ được lấy trong corpus của chúng tôi):

1. Họ đơn - Tên đệm - Tên đơn; ví dụ nam: *Nguyễn Văn Hiệp*, nữ: *Trịnh Thị Nguyệt*;

2. Họ đơn - Tên đệm - Tên đơn hoặc kép; ví dụ nam: không có trường hợp nào có 4 hình vị có tên đệm Văn, nữ: *Trương Thị Hiền Phương*,

⁹¹ Xem bảng 7, 8.

⁹¹ Lê Trung Hoa gọi là tên chính. Chúng tôi cũng tán thành cách gọi này của ông tuy nhiên để thuận lợi cho việc so sánh với tiếng Pháp, chúng tôi gọi là tên (prenom).

3. Họ kép - Tên đệm - Tên đơn : không có trường hợp nào;

4. Họ kép - Tên đệm - Tên kép: nam không có trường hợp nào, nữ có một trường hợp: *Đỗ Bà Thị Hương Giang*

5. Họ đơn - Tên: chỉ có nam mới có, ví dụ: *Trần Hiếu*

6. Họ đơn - Tên kép: có rất nhiều cả nam và nữ ví dụ: nam: *Phan Anh Đức*, nữ: *Đỗ Thủy Hằng*

7. Họ kép - Tên kép: tất cả các ví dụ đã được nêu ở phần trên, ví dụ như: nam: *Lê Vũ Trung Thành*, nữ: *Đỗ Nguyễn Quỳnh Anh*. Tuy nhiên số lượng tên nữ nhiều hơn tên nam.

Thứ tự vị trí tên riêng

Tên người Việt tuân theo một vị trí không đổi

Họ - (Tên đệm) - Tên

VD: *Nguyễn Tiến Dũng, Hà Thị Thanh Thủy*

Tên người Pháp có thể thay đổi theo thứ tự :

Họ - Tên hoặc Tên - Họ.

VD: bà *Geneviève ZARATE* hoặc *ZARATE Geneviève*

Chính thứ tự này làm cho rất nhiều giấy tờ của học sinh Việt Nam tại Pháp có bằng cấp với họ tên bị đảo.

Ví dụ: ông *Tiến Dũng Nguyễn*; bà *Thị Thanh Thủy Hà*

Chính sự sắp xếp theo thứ tự này của người Pháp làm họ lúng túng đứng trước tên họ của người Việt Nam. Trên mạng, chúng tôi thấy một danh sách của một số cán bộ khoa học Việt Nam gồm 9 người, trên thực tế chỉ là 8 người¹⁰⁾ vì ông *Vương Thanh* được coi là hai ông.

Vương THANH

*Thanh VUONG*¹¹⁾

Cũng tương tự, người Việt cũng nhầm tên họ của người Pháp, ngay trong ấn phẩm của một cơ sở giảng dạy tiếng Pháp cũng đang sai tên chuyên gia. Ông này tên là *Georges*, họ là *Zask* thì đang là *GEORGES Zask*, hoặc tên người ta là *Paul* thì lại tưởng là họ và trong danh sách là ông *PAUL*.

Những vấn đề tương là đơn giản này nên được nhấn mạnh để tránh những sai sót sau này cho người học.

Cách sử dụng tên riêng

Theo Nguyễn Tài Căn và Lê Trung Hoa (theo sách đã dẫn), việc sử dụng tên họ tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp. Thường thì người Việt ít sử dụng tất cả các yếu tố của tên riêng mà chủ yếu sử dụng tên, yếu tố cuối cùng của tên riêng, ví dụ *Cường, Thủy*.

Việc sử dụng yếu tố này áp dụng được trong mọi hoàn cảnh giao tiếp, tuy nhiên, nếu các đối tượng giao tiếp có sự khác biệt về tuổi tác, địa vị xã hội thì bắt buộc phải dùng một từ hô gọi (terme d'adresse) trước đó. Ví dụ anh *Cường*, chị *Thủy* hoặc ông *Cường*, bà *Thủy*.

Việc sử dụng họ cũng có trong tiếng Việt nhưng rất hiếm, chủ yếu chỉ để gọi lãnh tụ như cụ *Phan (Phan Chu Trinh)*, bác *Hồ*, bác *Tôn*, cũng như việc sử dụng cả tên họ cũng vậy chủ yếu để gọi những người nổi tiếng: Đại tướng *Võ Nguyên Giáp*, giáo sư *Tôn Thất Tùng*, ...

¹⁰⁾ Chúng tôi không dùng tên thật của các cán bộ này mà chỉ lấy những ví dụ tương tự giống tên của họ

¹¹⁾ Trong tiếng Pháp, họ thường được viết bằng chữ hoa và tên bằng chữ thường.

Trong tiếng Pháp thân mật, người ta dùng tên (prénom) và không dùng kèm theo từ hô gọi.

VD: A: *Sophie*, qu'est-ce que tu fais?
ngay cả khi *Sophie* có thể lớn tuổi hơn A, có thể là chị, là mẹ, thậm chí là bà của A.

Khi đã có phân biệt: là người không quen, mới quen, là cấp trên thì dùng cả tên họ hoặc chỉ dùng họ không và có kèm theo từ hô gọi.

VD: Monsieur *Pierre DUPONT* hoặc Monsieur *DUPONT* và không bao giờ dùng Monsieur *Pierre*.

Trong giao tiếp với người Pháp, nhiều người Việt Nam bị ảnh hưởng của tiếng Việt và dùng từ hô gọi đi kèm với tên: Monsieur *Daniel*. Các sử dụng này cũng có trong tiếng Pháp nhưng trong những hoàn cảnh đặc biệt và rất thân mật.

Perret (1970) đã kể ra các trường hợp sau:

- Đây tổ gọi con của chủ là Cậu hoặc Cô.
VD: Monsieur *Georges*, Mademoiselle *Anne*.

- Các bà bán hàng hoặc chủ hiệu cà phê gọi khách quen bằng tên và dùng thêm từ hô gọi. VD: Monsieur *Bernard*, qu'est-ce que vous prenez aujourd'hui?

- Cấp trên cũng dùng được cách này. Ông giám đốc có thể gọi thư ký: Madame *Charlotte* nhưng bà thư ký lại không có quyền gọi ông giám đốc bằng tên.

Trong giảng dạy tiếng Pháp, rất nhiều sách đã phân biệt ngay hiện tượng này trong những bài đầu. Tuy nhiên vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể thì nhiều sinh viên vẫn chưa sử dụng đúng. Chúng tôi nhớ trong một buổi tiền chuyên gia Pháp về nước, ông này đã lưu ý sinh viên về cách sử dụng tên riêng trong hai thứ tiếng vì theo

ông đây không phải là một lỗi về tiếng nhưng trong giao tiếp, nó làm cho đối tượng giao tiếp rất khó chịu. Để cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của ông chuyên gia, đại diện sinh viên Việt Nam lên phát biểu ý kiến và anh bắt đầu bài nói của mình bằng: Cher Monsieur *Bernard*¹²⁾

Cả hội trường không nhịn được cười.

Một yếu tố nữa khác biệt trong cách sử dụng tên họ trong cộng đồng người Pháp và người Việt là khi cô gái Pháp lấy chồng thì lấy họ nhà chồng (như đã dẫn ở trên) còn ở Việt Nam cô gái Việt vẫn giữ nguyên họ nhà mình. Điều này cũng có ảnh hưởng đến sinh viên Việt Nam ở Pháp. Một sinh viên đã có gia đình, 2 năm học thì nhận được bằng mang tên chồng mình, lại phải đến trường để đổi bằng.

Trong xã hội Việt Nam, cũng có một hiện tượng tương tự. Nếu người Pháp khi lập gia đình, giữ nguyên tên, thay họ thì ở Việt Nam, họ tên không thay đổi về mặt hành chính song trong giao tiếp thường ngày, người vợ có thể được gọi bằng tên của chồng. Chúng tôi thấy hiện tượng này chủ yếu ở các cụ cao tuổi và ở nông thôn, ví dụ bà *Mai* lấy ông *Tuấn* thì được gọi là bà *Tuấn*. Phải chăng đây là một ảnh hưởng của Pháp? Điều này cần phải được nghiên cứu trước khi đi đến kết luận chính xác.

Trên đây là một số nghiên cứu bước đầu của chúng tôi về tên người Việt nhằm so sánh với tên người Pháp. Bên cạnh những nét tương đồng thì những sự khác biệt giữa hai hệ thống này là không thể tránh khỏi. Là giáo viên ngoại ngữ, bản thân chúng ta nên nắm vững cả hai ngoại ngữ nhằm giúp sinh viên một cách hiệu quả nhất trong quá trình học tiếng. Chúng

¹²⁾ Bernard là tên của ông chuyên gia chứ không phải là họ

tôi sẽ đi sâu nghiên cứu để có thể đưa ra những nhận định sâu sắc hơn nữa về vấn đề này thông qua thăm dò ý kiến cha mẹ và những nghiên cứu mang tính chất lịch

đại nhằm giải thích một cách xác đáng hơn các hiện tượng trong tiếng Việt và trong tiếng Pháp.

PHỤ LỤC

Bảng 1. 10 họ tiêu biểu của 1769 sinh viên một số trường Đại học tại Hà Nội (sinh trong những năm 1980- 1984)

<i>TT</i>	<i>Họ</i>	<i>Tần số</i>	<i>Tỉ lệ phần trăm</i>
1.	Nguyễn	620	35,04%
2.	Trần	166	9,38%
3.	Phạm	136	7,68%
4.	Lê	127	7,18%
5.	Vũ	84	4,75%
6.	Đỗ	71	4,01%
7.	Bùi	70	3,95%
8.	Đặng	51	2,88%
9.	Đào	33	1,86%
10.	Ngô	33	1,86%

Bảng 2. Tên riêng của nam sinh viên (924 / 1769)

<i>Số lượng hình vị</i>	<i>Tần số lượng</i>	<i>Tỉ lệ phần trăm</i>
2 (họ - tên)	18	1,94%
3 (họ - tên đệm - tên đơn)	81	8,76%
3 (họ - tên kép)	806	87,22%
4 (họ - tên đệm - tên kép)	0	0%
4 (họ - tên kép)	19	2,05%

Bảng 3. Tên riêng của nữ sinh viên (845 / 1769)

<i>Số hình vị</i>	<i>Tần số</i>	<i>Tỉ lệ phần trăm</i>
2 (họ - tên)	0	0%
3 (họ - tên đệm - tên đơn)	148	17,51%
3 (họ - tên kép)	252	29,82%
4 (họ - tên đệm - tên kép)	421	49,82%
4 (họ - tên kép)	22	2,60%
5 (họ - tên đệm - tên kép)	1	0,11%
5 (họ - tên kép)	1	0,11%

Bảng 4. Tên của sinh viên nam thường được dùng nhất trong số 81 tên đơn

TT	Tên đơn	Tần số	Tỉ lệ phần trăm
1.	Cường	6	7,40%
2.	Hải	4	4,93%
3.	Thành	4	4,93%
4.	Công	3	3,70%
5.	Phúc	3	3,70%
6.	Quân	3	3,70%
7.	Đức	3	3,70%
8.	Minh	3	3,70%
9.	Huỳnh	3	3,70%
10.	Tuấn	3	3,70%

Bảng 5. Tên của sinh viên nữ thường được sử dụng nhất trong số 77 tên đơn

TT	Tên đơn	Tần số	Tỉ lệ phần trăm
1.	Thủy	6	7,79%
2.	Nga	6	7,79%
3.	Vân	5	6,49%
4.	Hương	5	6,49%
5.	Thủy	5	6,49%
6.	Huệ	5	6,49%
7.	Hạnh	5	6,49%
8.	Nhung	5	6,49%
9.	Hiền	4	5,19%
10.	Hàng	4	5,19%
11.	Huyền	4	5,19%

Bảng 6. Tên nam được đặt nhiều nhất trong năm 2001 tại Pháp (nguồn lấy trên mạng theo địa chỉ <http://meilleursprenom.com>)

1	Mathis	11	Corentin
2	Enzo	12	Tom
3	Dylan	13	Hugo
4	Nathan	14	Jules
5	Théo	15	Léo
6	Killian	16	Loui
7	Lilian	17	Dorian
8	Lucas	18	Bryan
9	Yanis	19	Axel
10	Tanguy	20	Antonin

Bảng 7. Tên nữ được đặt nhiều nhất trong năm 2001 tại Pháp (nguồn lấy trên mạng theo địa chỉ <http://meilleursprenom.com>)

1	Carla	11	Inès
2	Emma	12	Léa
3	Océane	13	Zoé
4	Elisa	14	Valentine
5	Romane	15	Eva
6	Clara	16	Laurine
7	Axelle	17	Jeanne
8	Lena	18	Louise
9	Coline	19	Chloé
10	Jade	20	Andrea

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bromberger C., "Pour une analyse anthropologique des noms de personnes". *Langages* No 66(1982), pp 103-124.
2. Huard P. Durand M., *Connaissance du Vietnam*. Ecole française d'Extreme-Orient, 1954, pp 91-105.
3. Kerbrat, Orecchioni., *Les interactions verbales*, Paris Armand Colin, tomes 2, 3(1992), 1994.
4. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1992.
5. Molino J., "Le nom propre dans la langue". *Langages* No 66(1982), pp 5-20.
6. Nguyễn Kim Thành, Tái bản 1997, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1963.
7. Nguyễn Tài Căn, *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, 1975.
8. Nguyễn Văn Dung, *La représentation des rapports de politesse au Vietnam dans la littérature contemporaine, thèse de doctorat, nouveau régime*, Université de Rouen, 2000.
9. Nguyễn Văn Huyền, Tái bản 1994, *La civilisation ancienne du Vietnam*, Edition The Gioi, 1944.
10. Perret D., "Les appellatifs - Analyse lexicale et actes de parole". *Langages* No 17(1970), pp 112-118.
11. Siblot P., "De la signification du nom propre". *Cahier de praxématique* No 8(1987), pp 97-114.
12. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

PROPER NAMES AS IMPORTANT ELEMENT
IN FOREIGN LANGUAGE TEACHING AND LEARNING

Dr. Nguyen Van Dung

Department of French Language and Culture

College of Foreign Languages - VNU

Proper names, when not considered as a linguistic-cultural element, may have negative effect on communication with native-speakers. With an attempt to help learners have good understanding of Vietnamese and French proper names, this study introduces a contrastive analysis of the two proper name systems. Where the proper names in the two languages perform similar functions, attention should be given to the differences in their position and use. A good understanding of the proper name system in the mother tongue enables us to use the proper name system of the target language more appropriately.